TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2018.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Trang**.

2. Bà **Hoàng Thị Thanh Hường**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **42/**2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **49/**2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị **Trần Thị T** - Sn: 1986. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp S, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

*** Bị đơn:** Anh **Trần Quốc Tr** - Sn: 1987. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: Ấp TM, xã P, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-01-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Quốc Tr tự nguyện sống chung với nhau năm 2013, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố BH, tỉnh Đồng

Nai. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, do anh Tr không lo làm ăn, hay ăn nhậu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị không sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên chị yêu cầu ly hôn anh Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có 01 người con chung Trần P, sinh ngày 14-02-2016, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Trần Quốc Tr (bị đơn) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị T. Chị T yêu cầu ly hôn, anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì:

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Trần P, sinh ngày 14-02-2016, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc ý kiến:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Quốc Tr, giao con chung Trần P, sinh ngày 14-02-2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và đủ khả năng lao động, tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh Tr; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị T và anh Trần Quốc Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh Tr.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 68/2016, Quyển số 01/2016, ngày 16-3-2016, của Ủy ban nhân dân xã P, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai cấp cho anh Tr – chị T đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Trần Quốc Tr và chị Trần Thị T là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do anh Tr không lo làm ăn, hay uống rượu say, anh chị thường xuyên cãi nhau. Anh Tr cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 01 năm nay khi chị T mang con về nhà mẹ ruột sống, anh chị không sống chung từ năm 2017 đến nay. Anh Tr không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu ly hôn và cũng không đến gặp chị T, cho thấy anh không có thiện chí vợ chồng hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ. Chứng tỏ hôn nhân của anh Tr – chị T đã đến mức Tr trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị T và anh Tr thống nhất có 01 người con chung tên Trần Phong, sinh ngày 14-02-2016, sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian qua chị T chăm sóc con đảm bảo. Do đó, giao người con tên Trần P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản*: Chị T và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị T và anh Tr trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:* Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Quốc Tr.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần P, sinh ngày 14-02-2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị T và anh Tr có yêu cầu khác.

Tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Quốc Tr.

Anh Tr được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị T nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị T nộp theo Biên lai thu tiền số: **008148** ngày **19-01-2018**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã P, TP.BH;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng